

HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN

Số hiệu gói thầu : XL-03
Tên gói thầu : Thi công Dê chắn sóng, chắn cát phía Đông (Đ2
~1,4km), Kè sau bãi
Dự án : Đầu tư xây dựng Khu bến cảng Mỹ Thủy huyện Hải
Lăng tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 1
Phát hành ngày : 12/12/2024
Chủ đầu tư : Công ty cổ phần liên doanh cảng Quốc tế Mỹ Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH
CẢNG QUỐC TẾ MỸ THỦY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Việt Roãn

MỤC LỤC

Chương I. Yêu cầu về thủ tục sơ tuyển

- A. Tổng quát
- B. Chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển
- C. Nộp hồ sơ dự sơ tuyển
- D. Mở và đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển
- E. Kết quả mời sơ tuyển

Chương II. Tính hợp lệ của HSDST và tiêu chuẩn đánh giá HSDST

Chương III. Biểu mẫu

- Mẫu số 1. Đơn dự sơ tuyển
- Mẫu số 2. Giấy ủy quyền
- Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh
- Mẫu số 4. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu
- Mẫu số 5. kê khai năng lực tài chính của nhà thầu
- Mẫu số 6. Danh sách nhân sự chủ chốt của nhà thầu

Chương IV. Tóm tắt thông tin dự án và gói thầu

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSMST	Hồ sơ mời sơ tuyển
HSDST	Hồ sơ dự sơ tuyển
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 2023
Nghị định 24/CP	Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
Cấp công trình	Cấp quản lý công trình được quy định tại Thông tư 06/TT-BXD ngày 30/6/2021
VND	Đồng Việt Nam

NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

TT	Nội dung	Ghi chú
1	TỪ NGỮ VIẾT TẮT - Cấp công trình: Cấp quản lý công trình được quy định tại Thông tư 06/TT-BXD ngày 30/6/2021	Bổ sung chú thích
2	Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá HSDST <i>a. Đã thực hiện gói thầu tương tự trong 05 năm gần đây có tính chất, quy mô, giá trị như sau:</i> hoàn thành công trình hàng hải Đê chắn sóng, cấp I trở lên có tổng giá trị > 500.000.000.000 VNĐ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh). Điều chỉnh: <i>a. Đã thực hiện gói thầu tương tự trong 05 năm gần đây (2019 – 2024) có tính chất, quy mô, giá trị như sau:</i> Hoàn thành tối thiểu 01 Hợp đồng thi công Đê chắn sóng cấp I hoặc 02 Hợp đồng thi công Đê chắn sóng cấp II có tổng giá trị > 500.000.000.000 VNĐ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh).	Điều chỉnh

CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Chương I. YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC SƠ TUYỂN

A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Nội dung sơ tuyển

1. Bên mời thầu Công ty cổ phần liên doanh cảng quốc tế Mỹ Thủy, địa chỉ 63 Trần Hưng Đạo, phường 1, TP Đông Hà, Quảng Trị mời nhà thầu tham gia sơ tuyển gói thầu Số XL-03 - Thi công Đê chắn sóng, chắn cát phía Đông (Đ2 ~1,4km), Kè sau bãi, thuộc dự án Đầu tư xây dựng Khu bến cảng Mỹ Thủy huyện Hải Lăng tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 1.

2. Nội dung công việc chủ yếu: Thi công xây dựng Đê chắn sóng, chắn cát phía Đông (Đ2 ~1,4km), Kè sau bãi.

3. Loại, cấp công trình: Công trình hàng hải, Cấp quản lý: Cấp đặc biệt; Cấp kỹ thuật Cấp II, tuổi thọ 50 năm.

4. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Chủ sở hữu

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước CHXHCN Việt Nam cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Mục 3 Chương này;

6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;

7. Là liên danh (tối đa 03 nhà thầu) có thể đáp ứng theo yêu cầu của HSMST.

Mục 3. HSMST và phát hành HSMST

1. HSMST bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSMST này.

2. Bên mời thầu phát hành miễn phí HSMST cho các nhà thầu có nhu cầu tham gia sau 03 ngày làm việc kể từ ngày đầu tiên đăng tải thông báo mời nộp HSDST đến trước thời điểm hết hạn nộp HSDST.

B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN

Mục 4. Ngôn ngữ sử dụng

HSDST cũng như tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc mời quan tâm phải được viết bằng ngôn ngữ ‘Tiếng Việt’

Mục 5. Nội dung HSDST

HSDST do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

1. Đơn dự sơ tuyển

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 7 Chương này;

3. Tài liệu kê khai theo Biểu mẫu Chương III;

4. Các nội dung khác: Không

Mục 6. Đơn dự sơ tuyển

Đơn dự sơ tuyển phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự sơ tuyển theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì từng thành viên liên danh gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền như đối với nhà thầu độc lập.

Mục 7. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:

- Từng thành viên liên danh phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được chứng thực,...

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Chương III.

2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:

a) Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu được kê khai theo Mẫu số 4, Mẫu số 5 và Mẫu số 6 Chương III. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu liên danh là tổng năng lực và kinh nghiệm của các thành viên trên cơ sở phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận, trong đó từng thành viên phải chứng minh năng lực và kinh nghiệm của mình là đáp ứng yêu cầu của HSMST cho phần việc được phân công thực hiện trong liên danh.

b) Các tài liệu khác được quy định như sau: Tài liệu chứng minh về năng lực pháp lý theo quy định của pháp luật Xây dựng như: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phù hợp.

Mục 8. Quy cách của HSDST

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 (một) bản gốc, 03 (ba) bản chụp HSDST và bản scan được chứa trong USB đính kèm, ghi rõ “bản gốc” và “bản chụp” tương ứng.

2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trong quá trình đánh giá, nếu bên mời thầu phát hiện bản chụp có lỗi kỹ thuật như chụp nhòe, không rõ chữ, chụp thiếu trang hoặc các lỗi khác thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi bản chất của HSDST thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến làm thay đổi bản chất của HSDST thì HSDST sẽ bị loại.

3. HSDST phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự sơ tuyển, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDST và các biểu mẫu khác phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký theo hướng dẫn tại Chương III.

4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDST phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về

mặt pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự sơ tuyển.

C. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN

Mục 9. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDST

1. HSDST bao gồm các nội dung nêu tại Mục 9 Chương này. HSDST phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDST như sau:

- Tên, địa chỉ, điện thoại của nhà thầu: _____

- Địa chỉ nộp HSDST: Công ty cổ phần liên danh cảng quốc tế Mỹ thủy, địa chỉ Tầng 3 – Tòa nhà Samsora Premier, số 105, Chu Văn An, phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, TP Hà Nội.

- Tên gói thầu: XL-03: Thi công Đê chắn sóng, chắn cát phía Đông (Đ2 ~1,4km), Kè sau bãi

2. Trong trường hợp HSDST gồm nhiều tài liệu, nhà thầu cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDST của bên mời thầu được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDST, tránh thất lạc, mất mát.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMST như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDST trong quá trình chuyển tới bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDST theo hướng dẫn tại Khoản 1 và Khoản 2 Mục này. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDST nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn tại Khoản 1 và Khoản 2 Mục này.

Mục 10. Thời hạn nộp HSDST

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDST đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được **trước 17h00 giờ, ngày 11 tháng 12 năm 2024**. Bên mời thầu tiếp nhận HSDST của tất cả nhà thầu nộp HSDST trước thời điểm hết hạn nộp HSDST, kể cả trường hợp nhà thầu chưa nhận HSMST trực tiếp từ bên mời thầu.

2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời hạn nộp HSDST trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDST hoặc khi sửa đổi HSMST theo Mục 6 Chương này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi bên mời thầu xét thấy cần thiết.

D. MỞ VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN

Mục 11. Đánh giá HSDST

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDST, bao gồm:

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDST quy định tại Khoản 1 Mục 12 Chương này.

b) Kiểm tra các thành phần của HSDST, bao gồm:

- Đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 6 Chương này;

- Thỏa thuận liên danh theo quy định tại Mục 6 Chương này;
- Giấy ủy quyền ký đơn dự sơ tuyển (nếu có) theo quy định tại Mục 6 Chương này;
- Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 7 Chương này.

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá HSDST.

2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDST theo quy định tại Mục 1 Chương II.

Bên mời thầu loại bỏ HSDST không đáp ứng một trong các điều kiện nêu tại Mục 1 Chương II. Các HSDST được đánh giá là đáp ứng quy định tại Mục 1 Chương II được đánh giá tiếp theo quy định tại Khoản 3 Mục này.

3. Đánh giá sự đáp ứng của HSDST theo TCDG nêu tại Mục 2 Chương II. HSDST của nhà thầu được đánh giá là ĐẠT được đưa vào danh sách ngắn.

E. KẾT QUẢ SƠ TUYỂN

Mục 12. Điều kiện được lựa chọn vào danh sách ngắn

Nhà thầu được xem xét, lựa chọn vào danh sách ngắn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có HSDST hợp lệ;
2. Có HSDST đáp ứng yêu cầu;

Mục 13. Thông báo kết quả sơ tuyển

Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả sơ tuyển, bên mời thầu sẽ gửi bằng văn bản thông báo kết quả sơ tuyển Đạt/ Không đạt tới nhà thầu tham gia.

Chương II. TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDST VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDST

Mục 1. Tính hợp lệ của HSDST

HSDST của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bản gốc HSDST;
2. Có đơn dự sơ tuyển phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự sơ tuyển theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
3. Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDST với tư cách là nhà thầu chính (hoặc thành viên trong liên danh);
4. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu;
5. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I;
6. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Nhà thầu có HSDST hợp lệ sẽ được đánh giá tiếp. Nhà thầu có HSDST không hợp lệ sẽ bị loại.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá HSDST

TT	Tiêu chuẩn	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	Hình thức tham gia	Tham gia với tư cách là nhà thầu Liên danh (tối đa 03 nhà thầu) có thể đáp ứng theo yêu cầu của HSMST
2	Kinh nghiệm	
	<i>a. Đã thực hiện gói thầu tương tự trong 05 năm gần đây (2019 – 2024) có tính chất, quy mô, giá trị như sau:</i>	Hoàn thành tối thiểu 01 Hợp đồng thi công Đê chắn sóng cấp I hoặc 02 Hợp đồng thi công Đê chắn sóng cấp II có tổng giá trị > 500.000.000.000 VND với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh).
	<i>b. Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó</i>	Trong vòng 05 năm gần đây, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chia khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu
	<i>c. Các yếu tố khác</i>	
3	Năng lực tài chính	
	3.1. Doanh thu <i>Doanh thu trung bình hàng năm trong 03 năm gần đây</i>	Doanh thu bình quân hằng năm của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 600.000.000.000 VND , các thành viên liên danh phải đáp ứng tương ứng với phần công việc do mình đảm nhận. <i>Trong trường hợp liên danh, doanh thu trung bình hàng năm của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu trung bình hàng năm của các thành viên trong liên danh.</i>

Chương III. BIỂU MẪU

Nhà thầu chuẩn bị tài liệu theo các mẫu sau:

TT	Nội dung	Áp dụng Mẫu	Ghi chú
1	Giấy ủy quyền	Mẫu số 1	Chỉ áp dụng trong trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu có ủy quyền trong đấu thầu
2	Thỏa thuận liên danh	Mẫu số 2	Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh tham dự mời quan tâm
3	Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu	Mẫu số 3	
4	Kê khai năng lực tài chính của nhà thầu	Mẫu số 4	
5	Danh sách nhân sự chủ chốt của nhà thầu	Mẫu số 5	

Mẫu số 1

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia lựa chọn danh sách ngắn ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] do ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[*- Ký đơn dự sơ tuyển;*

- Ký thỏa thuận liên danh;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn danh sách ngắn, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển.]]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 10 Chương I. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia lựa chọn danh sách ngắn.

Mẫu số 2

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ⁽²⁾ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

- Căn cứ ⁽²⁾ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ hồ sơ mời sơ tuyển gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ngày được ghi trên hồ sơ mời sơ tuyển];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với nội dung như sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia lựa chọn danh sách ngắn gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không bên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc hợp tác dưới bất kỳ hình thức nào với bên khác để tham gia dự sơ tuyển đối với gói thầu này.

4. Khi liên danh được vào danh sách ngắn của gói thầu tư vấn nêu trên, các thành viên sẽ ký thỏa thuận liên danh để tham gia đấu thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu đối với gói thầu này.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các thành viên nhất trí ủy quyền cho ____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau:

[- Ký đơn dự sơ tuyển;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn danh sách ngắn, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển].⁽³⁾

2. Dự kiến trách nhiệm của từng thành viên trong liên danh để thực hiện gói thầu

Các bên tham gia liên danh dự kiến phân công trách nhiệm của từng thành viên như sau: ____ [*Ghi nội dung công việc chính dự kiến của từng thành viên kể cả thành viên đứng đầu liên danh*].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

1. Liên danh không được vào danh sách ngắn gói thầu nêu trên;
2. Hủy lựa chọn danh sách ngắn đối với gói thầu theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của thành viên đứng đầu liên danh

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

Mẫu số 3

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia chuyên ngành mà nhà thầu đã ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia]

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVPTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng *[Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với gói thầu đơn giản thì có thể quy định ít hơn 3 năm)]* năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVPTV tương tự như DVPTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ).

Tên dự án	
Địa điểm thực hiện	
Tên chủ đầu tư	
Tên gói thầu	
Giá hợp đồng <i>(trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVPTV do nhà thầu thực hiện)</i>	
Tư cách tham dự thầu <i>(ghi rõ tham dự thầu độc lập hoặc liên danh hoặc nhà thầu phụ)</i>	
Thời gian thực hiện hợp đồng <i>(ghi theo thời gian quy định trong hợp đồng; nêu rõ từ ngày.... đến ngày...)</i>	
Thời gian thực tế đã thực hiện <i>(nêu rõ từ ngày... đến ngày ... Trường hợp chậm trễ thực hiện hợp đồng thì nêu rõ lý do)</i>	
Tóm tắt các công việc cụ thể mà nhà thầu đã thực hiện theo hợp đồng	

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

Mẫu số 4

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong ____ năm tài chính gần đây [Ghi số năm quy định].

Đơn vị tính: ____ [Ghi loại tiền]

Stt	Nội dung	Năm ____	Năm ____	Năm ____
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Tổng nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			
8	Các nội dung khác (nếu có yêu cầu)			

B. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai, nhà thầu nộp Báo cáo tài chính và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế trong ____ năm tài chính gần đây [Ghi số năm theo yêu cầu];

2. Tờ khai quyết toán thuế có xác nhận của cơ quan quản lý thuế hoặc tờ khai quyết toán thuế điện tử và tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với tờ khai trong ____ năm tài chính gần đây [Ghi số năm theo yêu cầu];

3. Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trong ____ năm tài chính gần đây [Ghi số năm theo yêu cầu];

4. Báo cáo kiểm toán.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Chương IV. TÓM TẮT THÔNG TIN DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

I. Giới thiệu chung về dự án

1. Tên công trình: Hạng mục Đê, kè chắn sóng phía Đông (Đ.2 đoạn từ 0+320m đến 1+735m), kè bảo vệ bãi.
2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông (Hàng hải), Cấp quản lý: Cấp đặc biệt; Cấp kỹ thuật: Cấp II;
3. Tên dự án đầu tư xây dựng: Dự án đầu tư xây dựng khu bến cảng Mỹ Thủy, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1.
4. Địa điểm xây dựng: Xã Hải An, huyện Hải Lăng, thuộc khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.
5. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy.
6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại.
7. Nhà thầu khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình Hàng hải (CMB).
8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Kiến Hưng.
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Áp dụng khung tiêu chuẩn đã được Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy phê duyệt tại Quyết định số 24/QĐ-MTIP ngày 04/5/2024.

II. Quy mô xây dựng và giải pháp thiết kế:

1. Quy mô xây dựng:

- Chiều dài đê, kè chắn sóng phía đông (0+320 đến 1+735) : 1415m

Đoạn từ 0+0 đến 0+320 thuộc gói thầu XL-01: Thi công xây dựng Đê, kè chắn sóng phía Đông (Đ.1);

- Cao trình đỉnh đê, kè chắn sóng : +7,60m (Hải đồ).
- Bề rộng đỉnh đê : 11,50 ÷ 23,20m.
- Mái dốc phía biển, phía cảng : 4/3.
- Chiều rộng thêm chống xói phía biển : 15m.
- Chiều rộng thêm chống xói phía cảng : 5,0 ÷ 15,0m.
- Mức nước cao tính toán (P= 2%) : +3,45m (Hải đồ).
- Mức nước thấp tính toán (P=2%) : -0,01m (Hải đồ).
- Mức nước cao nhất trung bình hàng tháng : +1,35m (Hải đồ).

(Mức nước cao tính toán đã bao gồm mức nước dâng trong bão, nước dâng do biến đổi khí hậu)

2. Giải pháp thiết kế:

a. Đê, kè chắn sóng

- Đoạn thân đê từ 0+320 đến 0+440:

+ Mái phía biển: Sử dụng khối phủ ngoài phá sóng Chinese Accropode có trọng lượng khối 12T, chiều dày lớp phủ 2,3m. Chặn chân đê bằng khối Chinese Accropode 12T. Lớp lót dưới lớp phủ sử dụng đá hộc có trọng lượng $0,8 \div 1,6T$, chiều dày 1,80m. Thêm chống xói trước đê bằng đá hộc $0,8 \div 1,6T$, cao độ đỉnh thêm chống xói thay đổi từ -3,80m đến -5,5m.

+ Mái phía cảng: Sử dụng khối phủ ngoài phá sóng Chinese Accropode có trọng lượng khối 12T, chiều dày lớp phủ 2,30m. Chặn chân đê bằng đá hộc có trọng lượng $0,8 \div 1,6T$, cao độ đỉnh khối chặn chân thay đổi từ -1,74 đến -2,80. Lớp lót dưới lớp phủ sử dụng đá hộc có trọng lượng $0,8 \div 1,6T$, chiều dày 1,80m. Thêm chống xói sau đê bằng đá hộc $5 \div 300kg$, cao độ đỉnh thêm chống xói thay đổi từ -3,8 đến -4,6.

+ Lớp lõi đê: Sử dụng loại đá hỗn hợp có trọng lượng $5 \div 300kg$. Cao độ đỉnh lớp lõi là +3,50m.

- Đoạn chuyển tiếp từ 0+440 đến 0+460: Kết cấu mái chuyển tiếp từ khối Chinese Accropode 12T thành khối Chinese Accropode 15T.

- Đoạn thân đê từ 0+480 đến 0+740:

+ Mái phía biển: Sử dụng khối phủ ngoài phá sóng Chinese Accropode có trọng lượng khối 15T, chiều dày lớp phủ 2,4m. Chặn chân đê bằng khối Chinese Accropode 15T. Lớp lót dưới lớp phủ sử dụng đá hộc có trọng lượng $1,0 \div 2,0T$, chiều dày 1,90m. Thêm chống xói trước đê bằng đá hộc $1,0 \div 2,0T$, cao độ đỉnh thêm chống xói là -7,4m.

+ Mái phía cảng: Sử dụng khối phủ ngoài phá sóng Chinese Accropode có trọng lượng khối 15T, chiều dày lớp phủ 2,40m. Chặn chân đê bằng đá hộc có trọng lượng $1,0 \div 2,0T$, cao độ đỉnh khối chặn chân -2,70. Lớp lót dưới lớp phủ sử dụng đá hộc có trọng lượng $1,0 \div 2,0T$, chiều dày 1,90m. Thêm chống xói sau đê bằng đá hộc $5 \div 300kg$, cao độ đỉnh thêm là -4,6m.

+ Lớp lõi đê: Sử dụng loại đá hỗn hợp có trọng lượng $5 \div 300kg$. Cao độ đỉnh lớp lõi là +3,30m.

- Đoạn chuyển tiếp từ 0+740m đến 0+ 760m: Kết cấu mái chuyển tiếp từ khối Chinese Accropode 15T thành khối Chinese Accropode 18T

- Đoạn thân đê từ 0+780m đến 0+ 880m:

+ Mái phía biển: Sử dụng khối phủ Chinese Accropode có trọng lượng khối 18T, chiều dày lớp phủ 2,6m. Chặn chân đê bằng khối Chinese Accropode 18T. Lớp lót dưới lớp phủ sử dụng đá hộc có trọng lượng $1,2 \div 2,4T$, chiều dày 2,00m. Thêm chống xói trước đê bằng đá hộc $1,2 \div 2,4T$, cao độ đỉnh thêm chống xói là -11,0m.

+ Mái phía cảng: Sử dụng khối phủ ngoài phá sóng Chinese Accropode có trọng lượng khối 18T, chiều dày lớp phủ 2,60m. Chặn chân đê bằng đá hộc có trọng lượng $1,2 \div 2,4T$, cao độ đỉnh khối chặn chân -2,60m. Lớp lót dưới lớp phủ sử dụng đá hộc có trọng lượng $1,2 \div 2,4T$, chiều dày 2,0m. Thêm chống xói sau đê bằng đá hộc $5 \div 300kg$, cao độ đỉnh thêm là -4,6m.

+ Lớp lõi đê: Sử dụng loại đá hỗn hợp có trọng lượng $5 \div 300kg$. Cao độ đỉnh lớp lõi là +3,00m.

- Đoạn chuyển tiếp từ 0+880m đến 0+ 920m:

+ Mái phía biển: Sử dụng khối phủ Chinese Accropode có trọng lượng khối 18T,

chiều dày lớp phủ 2,6m. Chặn chân đê bằng khối Chinese Accropode 18T. Lớp lót dưới lớp phủ sử dụng đá hộc có trọng lượng 1,2÷2,4T, chiều dày 2,00m. Thềm chống xói trước đê bằng đá hộc 1,2÷2,4T, cao độ đỉnh thềm chống xói là -11,0m.

+ Mái phía cảng: Sử dụng khối phủ ngoài phá sóng Chinese Accropode có trọng lượng khối 18T, chiều dày lớp phủ 2,60m. Chặn chân đê bằng đá hộc có trọng lượng 1,2÷2,4T, cao độ đỉnh khối chặn chân thay đổi từ -2,60m đến -7,10m. Lớp lót dưới lớp phủ sử dụng đá hộc có trọng lượng 1,2÷2,4T, chiều dày 2,0m. Thềm chống xói sau đê bằng đá hộc 5÷300kg, cao độ đỉnh thềm thay đổi từ là -4,60m đến -8,10m.

+ Lớp lõi đê: Sử dụng loại đá hỗn hợp có trọng lượng 5÷300kg. Cao độ đỉnh lớp lõi là +3,00m.

- Đoạn thân đê từ 0+920m đến 1+020m:

+ Mái phía biển: Sử dụng khối phủ Chinese Accropode có trọng lượng khối 18T, chiều dày lớp phủ 2,0m. Chặn chân đê bằng khối Chinese Accropode 18T. Lớp lót dưới lớp phủ sử dụng đá hộc có trọng lượng 1,2÷2,4T, chiều dày 2,00m. Thềm chống xói trước đê bằng đá hộc 1,2÷2,4T, cao độ đỉnh thềm chống xói là -11,0m.

+ Mái phía cảng: Sử dụng khối phủ ngoài phá sóng Chinese Accropode có trọng lượng khối 18T, chiều dày lớp phủ 2,60m. Chặn chân đê bằng đá hộc có trọng lượng 1,2÷2,4T, cao độ đỉnh khối chặn chân -7,10m. Lớp lót dưới lớp phủ sử dụng đá hộc có trọng lượng 1,2÷2,4T, chiều dày 2,0m. Thềm chống xói sau đê bằng đá hộc 5÷300kg, cao độ đỉnh thềm thay đổi từ là -8,10m đến -9,10m.

+ Lớp lõi đê: Sử dụng loại đá hỗn hợp có trọng lượng 5÷300kg. Cao độ đỉnh lớp lõi là +3,00m.

- Đoạn thân đê từ 1+020m đến 1+ 500m:

+ Mái phía biển: Sử dụng khối phủ Chinese Accropode có trọng lượng khối 18T, chiều dày lớp phủ 2,6m. Chặn chân đê bằng khối Chinese Accropode 18T. Lớp lót dưới lớp phủ sử dụng đá hộc có trọng lượng 1,2÷2,4T, chiều dày 2,00m. Thềm chống xói trước đê bằng đá hộc 1,2÷2,4T, cao độ đỉnh thềm chống xói là -11,0m.

+ Mái phía cảng: Sử dụng khối phủ ngoài phá sóng Chinese Accropode có trọng lượng khối 18T, chiều dày lớp phủ 2,60m. Chặn chân đê bằng đá hộc có trọng lượng 1,2÷2,4T, cao độ đỉnh khối chặn chân -7,10m. Lớp lót dưới lớp phủ sử dụng đá hộc có trọng lượng 1,2÷2,4T, chiều dày 2,0m. Thềm chống xói sau đê bằng đá hộc 5÷300kg, cao độ đỉnh thềm là -9,1m.

+ Lớp lõi đê: Sử dụng loại đá hỗn hợp có trọng lượng 5÷300kg. Cao độ đỉnh lớp lõi là +3,00m.

- Đoạn thân đê từ 1+500m đến 1+640m: Kết cấu tương tự đoạn 1+100m đến 1+500m. Kết cấu nền đê đoạn này không phải gia cường lưới địa kỹ thuật.

- Đoạn đầu đê từ 1+680m đến 1+ 735m:

+ Mái phía biển, phía cảng: Sử dụng khối phủ Chinese Accropode có trọng lượng khối 25T, chiều dày lớp phủ 2,9m. Chặn chân đê bằng khối Chinese Accropode 25T, cao độ đỉnh khối chặn chân đê là -8,10m. Lớp lót dưới lớp phủ sử dụng đá hộc có trọng lượng 1,7÷3,3T, chiều dày 2,30m. Thềm chống xói trước đê bằng đá hộc 1,7÷3,3T, cao độ đỉnh thềm chống xói là -11,0m.

+ Lớp lõi đê: Sử dụng loại đá hỗn hợp có trọng lượng $5 \div 300\text{kg}$. Cao độ đỉnh lớp lõi là $+2,80\text{m}$.

- Gia cường kết cấu đê: Để đảm bảo ổn định đoạn thân đê được gia cố bằng lưới địa kỹ thuật cường độ $R=1000/200\text{kN/m}$.

+ Từ $1+100\text{m}$ đến $1+500\text{m}$ (BH02, TK03, TK04, TK05): Nền đê được trải 02 lớp lưới địa kỹ thuật cường độ $R=1000/200\text{kN/m}$;

+ Từ $1+020\text{m}$ đến $1+100$ (TK06): Nền đê được trải 01 lớp lưới địa kỹ thuật cường độ $R=1000/200\text{kN/m}$;

+ Từ $0+900\text{m}$ đến $1+020\text{m}$ (BH03): Nền đê được trải 02 lớp lưới địa kỹ thuật cường độ $R=1000/200\text{kN/m}$;

+ Từ $0+780\text{m}$ đến $0+900\text{m}$ (TK07): Nền đê được trải 03 lớp lưới địa kỹ thuật cường độ $R=1000/200\text{kN/m}$;

* Cột báo hiệu đầu đê chắn sóng

Tại vị trí đầu đê chắn sóng được bố trí cột báo hiệu an toàn phía Đông. Cột báo hiệu có kết cấu bằng thép, cột có bậc thang lên xuống và có chiều nghiêng để thuận tiện cho việc bảo dưỡng đèn báo hiệu. Vật liệu là thép không gỉ. Tại đỉnh trụ có bố trí đèn báo hiệu và dấu hiệu đỉnh liên kết với lồng bảo vệ đèn.

Cột báo hiệu và đèn báo hiệu phải tuân theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải QCVN 20:2015 của Bộ Giao thông vận tải, cụ thể như sau:

Lưu ý: Trước khi thi công, nhà thầu xin ý kiến của Tổng công ty bảo đảm an toàn hàng hải Miền Bắc là đơn vị chuyên ngành quản lý về các thiết bị báo hiệu hàng hải tại khu vực Quảng Trị.

b. Kè bảo vệ bãi

- Chiều dài kè: $14,0\text{m}$

- Mái kè: Kết cấu mái kè từ trên xuống dưới bao gồm các lớp sau: Khối holdquader trọng lượng: $0,524\text{T}/\text{khối}$; Đá 4×6 dày 20cm ; Đá 2×4 dày 20cm ; Vải địa kỹ thuật loại không dệt 25kN/m ;

- Chân khay kè bằng bê tông M300; tại cao trình $+1,35\text{m}$

- Thêm chống xói bằng đá hộc $50-100\text{kg}/\text{viên}$, chiều dài thêm chống xói $5,0\text{m}$

- Đỉnh kè: tại cao trình $+4,75\text{m}$, bố trí tường đỉnh bằng bê tông cốt thép M300.

III. Kế hoạch thực hiện (dự kiến)

- Thời gian dự kiến khởi công gói thầu: Tháng 3/2025

- Thời gian thi công: 20 tháng

- Đối với đoạn đê 700m đầu: hoàn thành 31/12/2025

IV. Mặt bằng bố trí đê chắn sóng

GHI CHÚ

1. KẾCH THUỐC BẢN VẼ CHỈ ĐĂNG M.
2. CAO ĐỘ CHỈ ĐĂNG M (HÀ ĐỒ)

CHỦ ĐẦU TƯ:
MTT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
CẢNG QUỐC TẾ MỸ THỦY

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU BÈU CẢNG MỸ THỦY
HUYỆN LÃNG, THỊNH QUẢNG NAM (CÁI ĐOẠN D)

HẠNG MỤC:
THIẾT KẾ BẢN VẼ TH CÔNG
ĐỀ, KÈ CHẤM SÓNG PHÍA ĐÔNG
ĐOẠN TỪ 0+320M ĐẾN 1+735M

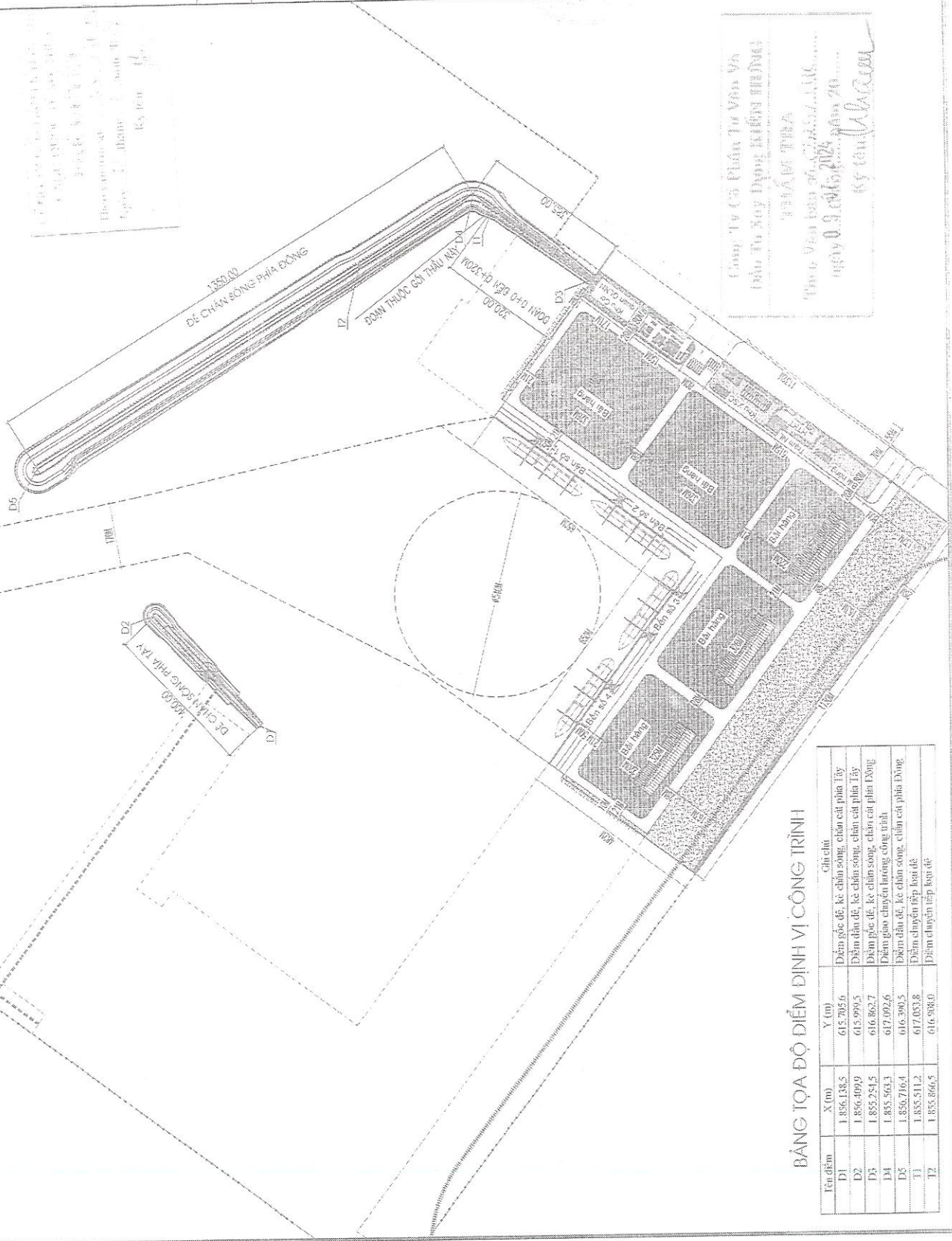
TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG VỊ TRÍ

NHÀ THẦU TƯ VẤN:
CMPT
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
MÁY DUNG CƯỜNG THIẾT KẾ HÀNG HẢI
(HÀNG HẢI 1735M)

CHỨC	NGƯỜI VẤN TƯ VẤN
CHTK	NGUYỄN VĂN HÙNG
CTK	PHẠM THỊNH TRUNG
THIẾT KẾ	HOÀNG THẾ NGHĨA
Kiểm tra	ĐÀO TRUNG PHƯƠNG
KCS	CÔNG THẾ NGHĨA

TY LỆ	KÝ HIỆU	SỐ PHẾ
1:1000	CHB-HCT-CHP	HC - 01
LẦN	NGÀY	HỌ TÊN CẤP NHẬT
1		
2		
3		



Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Và
Đầu Tư Xây Dựng Hàng Hải
Ngày 09/03/2024
Ký tên: Hoàng Thế Nghĩa

BẢNG TỌA ĐỘ ĐIỂM ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH

Tên điểm	X (m)	Y (m)	Chú chú
D1	1.856.138,5	615.705,6	Điểm góc đề, kè chắn sóng, chắn cửa phía Tây
D2	1.856.499,9	615.999,5	Điểm đầu đề, kè chắn sóng, chắn cửa phía Tây
D3	1.855.254,5	616.862,7	Điểm góc đề, kè chắn sóng, chắn cửa phía Đông
D4	1.855.563,3	617.092,6	Điểm giao chuyển lương công trình
D5	1.856.716,4	616.990,5	Điểm đầu đề, kè chắn sóng, chắn cửa phía Đông
T1	1.855.511,2	617.053,8	Điểm chuyển tiếp loại đề
T2	1.855.866,5	616.938,0	Điểm chuyển tiếp loại đề

